

CHIẾN LƯỢC SỐNG QUA SỰ CHUYỂN ĐỔI VIỆC LÀM CỦA CÁC CƯ DÂN VÙNG VEN ĐÔ HÀ NỘI QUA QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

Phan Thị Mai Hương

Viện Tâm lý học.

Vùng ven đô là khu vực trung gian giữa nông thôn và thành thị, là nơi vừa có các hoạt động đặc trưng cho nông thôn - hoạt động nông nghiệp, vừa có các hoạt động mang tính chất đô thị - hoạt động thương mại, dịch vụ. Do tiến gần hơn đến với khu vực thành thị mà ven đô trở thành nơi chuyển tiếp, giao thoa giữa các khuôn mẫu của đời sống văn hóa nông thôn với đô thị.

Chiến lược sống là những kế hoạch, dự định cũng như những hành động thực tế theo kế hoạch và dự định đặt ra vì sự tồn tại và phát triển của cuộc sống con người. Đây là một khái niệm rộng, bao hàm trong đó sự vận động của cuộc sống mà con người hoàn toàn làm chủ. Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi xem xét chiến lược sống trong sự vận động của nghề nghiệp, việc làm để tìm hiểu tính tự chủ, tính năng động của con người trước những biến đổi xã hội do đô thị hoá mang lại.

Quá trình đô thị hoá thực chất là quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở vùng ven đô. Trong khi đất đai được coi là tư liệu sản xuất quan trọng nhất của người nông dân thì việc bị thu hồi đất có nghĩa là một lực lượng lao động nông nghiệp sẽ mất việc làm. Vì thế, chuyển đổi nghề nghiệp ở đây trở thành một quá trình tất yếu và người nông dân phải hình thành một chiến lược sống mới thay thế cho chiến lược sống cũ với hoạt động nông nghiệp không còn là hoạt động nghề chủ đạo của người lao động ven đô.

Vậy, sự chuyển đổi nghề nghiệp diễn ra như thế nào ở các xã ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hoá và các yếu tố tâm lý nào được biểu hiện qua sự chuyển đổi này?

Sự chuyển đổi việc làm

Sự chuyển đổi việc làm của các hộ gia đình trong 10 năm qua được mô tả ở bảng 1 dưới đây⁽¹⁾.

Kết quả cho thấy ở cả nam và nữ, sự chuyển đổi việc làm diễn ra khá mạnh mẽ. Từ 63-65% số người được khảo sát có sự chuyển đổi việc làm ít nhất 1 lần trong 10 năm qua. Tỷ lệ số người có 2 lần chuyển đổi trở lên chiếm khoảng 15-16% ở cả nam và nữ. Không có sự khác biệt giữa nam và nữ về mức độ chuyển đổi.

Bảng 1: Số lần chuyển đổi việc làm của vợ và chồng trong 10 năm qua
(tỷ lệ %)

Số lần chuyển đổi	Người vợ	Người chồng
Không chuyển đổi	37,6	35,4
Chuyển đổi 1 lần	42,0	43,0
Chuyển đổi 2 lần	16,2	15,9
Chuyển đổi 3 lần	3,5	5,7
Chuyển đổi 4 lần	0,6	-

Khi tìm hiểu những nghề nghiệp có mức độ chuyển đổi cao nhất ở các địa phương khảo sát, kết quả cho thấy, đó chính là hoạt động sản xuất nông nghiệp. Trong khi sự di động ở các nhóm nghề khác chủ yếu là tăng lên, tức là tăng số lượng đầu vào, giảm số lượng đầu ra, thì ở ngành nông nghiệp lại có tình hình ngược lại: số lượng người thay đổi nghề, chuyển sang nghề khác chiếm tỷ lệ cao nhất. Thực tế cho thấy đây chính là những người chịu tác động mạnh mẽ của tình trạng thu hồi đất nông nghiệp phục vụ phát triển hạ tầng cơ sở, phát triển các khu công nghiệp và mở rộng đô thị. Có thể coi chuyển đổi nghề như là một phương thức, một chiến lược sống tất yếu của người nông dân trong quá trình đô thị hoá.

Trong khi đó, ở các nhóm khác, sự chuyển đổi diễn ra rất yếu. Hầu như không có người chuyển từ buôn bán, dịch vụ sang làm nghề khác, mà chỉ thay đổi ở chỗ mở rộng lĩnh vực dịch vụ, tăng mặt hàng hoặc chuyển đổi mặt hàng. Tình trạng tương tự cũng diễn ra với nhóm công nhân, làm thuê, làm công ăn lương. Khi đã làm nghề này, họ ít thay đổi sang nghề khác mà chỉ là những thay đổi nội trong nghề: di chuyển chỗ làm việc, học tập nâng cao trình độ...

Bảng 2: Các việc làm có được sau chuyển đổi trong vòng 10 năm qua của vợ chồng làm nông nghiệp

Việc làm	Người vợ		Người chồng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Công nhân, thợ, làm thuê	12	5.5	29	19.0
2. Làm thêm tại gia đình, nghề phụ	17	7.8	6	3.9
3. Trồng trọt loại cây khác	62	28.6	29	19.0
4. Chăn nuôi	43	19.8	30	19.6
5. Buôn bán, dịch vụ	71	32.7	35	22.8
6. Khác	8	3.7	24	15.7
Tổng số	217	100	153	100

Vậy, với các hộ làm nông nghiệp, khi thay đổi, họ chuyển sang làm ở những lĩnh vực nào? Bảng 2 cho thấy có hai xu hướng chuyển đổi trong nhóm xã hội này. Thứ nhất, họ chuyển sang làm dịch vụ, buôn bán (chiếm 32.7% số lượng chuyển đổi ở phụ nữ và 22.8% ở nam giới). Và thứ hai, họ chuyển đổi ngay bên trong nghề: từ trồng trọt chuyển sang chăn nuôi (chiếm gần 20% số lượng chuyển đổi ở cả nữ và nam); hoặc chuyển đổi loại cây trồng (chiếm 28.6% ở nữ và 19% ở nam). Họ thường chuyển sang nuôi bò, gà, vịt, lợn, và chuyển từ trồng lúa sang trồng rau màu với các giống được đổi mới liên tục, từ trồng rau thường chuyển sang trồng rau sạch, chuyển giống rau từ loại phổ thông như bắp cải, su hào, rau muống, rau cải... sang trồng các giống cao cấp như ớt ngọt, cải tím, cà dài, măng tre... Hoặc cùng là trồng cà chua nhưng họ cũng đổi giống liên tục để sản xuất những sản phẩm cà có chất lượng cao hơn (năng suất cao, cho quả đều, màu tươi, ít bị dập nát...), và có hiệu quả kinh tế hơn.

Kết quả phân tích số liệu cũng cho thấy, đặc trưng chuyển đổi cũng khác biệt theo đặc điểm và mức độ đô thị hoá của các địa phương. Ở Mỹ Đình, xu hướng chuyển đổi thứ nhất chiếm ưu thế hơn, còn ở Yên Mỹ – là xu thế thứ hai. Nó phụ thuộc vào đặc thù của chính sách thu hồi đất nông nghiệp được thực thi tại mỗi địa phương.

Một số lượng không nhỏ người nông dân chuyển sang làm thợ tự do như thợ xây, thợ bả, thợ hồ, hoặc đi làm thuê. Thực tế này chủ yếu diễn ra ở nam giới. Đây là sự khác biệt giới tính trong lĩnh vực chuyển đổi việc làm. Người phụ nữ làm nông nghiệp vùng ven đô dễ dàng tham gia vào hoạt động dịch vụ và buôn bán nhỏ, kể cả bán hàng rong, bán dạo, bởi đức tính nhanh nhẹn, bươn chải cũng như biết lo toan, vun vén vốn có của họ. Trong khi đó, nam giới vốn được coi là trụ cột gia đình, theo truyền thống, phải gánh vác những phần việc nặng nhọc cần sức khỏe, không có các mối quan hệ xã hội rộng, họ chỉ biết

chọn con đường đi làm thuê, bán sức lao động chân tay để có thu nhập là phù hợp nhất.

Chuyển đổi nghề nghiệp và mức độ đô thị hoá

Mức độ đô thị hoá có ảnh hưởng rất lớn đến xu hướng chuyển đổi việc làm của các thành viên trong cộng đồng.

Bảng 3: Sự chuyển đổi việc làm của vợ và chồng ở các nơi có mức độ đô thị hóa khác nhau (tỷ lệ %)

Số lần đổi việc	Yên Mỹ		Yên Sở		Mỹ Đình	
	Vợ	Chồng	Vợ	Chồng	Vợ	Chồng
Không đổi	51.5	38.6	46.1	38.2	16.2	29.7
1 lần	33.7	43.6	39.2	45.1	53.2	40.5
2 lần	11.9	13.9	10.8	12.7	25.2	20.7
3 lần	2.0	4.0	3.9	3.9	4.5	9.0
4 lần	1.0	-	-	-	0.9	-

Ba địa phương được khảo sát trong nghiên cứu này - Mỹ Đình, Yên Sở và Yên Mỹ, có mức độ đô thị hoá khác nhau, trong đó Mỹ Đình có mức độ đô thị hoá cao nhất và thấp nhất là Yên Mỹ. Kết quả cho thấy, sự chuyển đổi việc làm có sự khác biệt rõ nét giữa các địa bàn có mức độ đô thị hoá khác nhau này.

Tại Mỹ Đình, tỷ lệ số hộ gia đình có chuyển đổi việc làm là cao nhất so với Yên Mỹ và Yên Sở. Mặt khác, số liệu cũng cho thấy, người dân Mỹ Đình có nhiều lần chuyển đổi việc làm hơn những nơi khác. Xu hướng chuyển đổi việc làm tại Mỹ Đình chủ yếu là từ hộ nông nghiệp chuyển sang thương mại - dịch vụ.

Một điều dễ dàng quan sát thấy là cùng với mức độ đô thị hoá thì qui mô của sự chuyển đổi việc làm cũng tăng dần theo. Tại Mỹ Đình, số lượng các cửa hàng dịch vụ (cắt tóc, gội đầu, cho thuê áo cưới, hiệu ảnh, hàng quán ăn uống, cửa hàng internet, game...) đang tăng nhanh về số lượng và qui mô. Trong khi đó, ở Yên Mỹ chỉ phổ biến bán đồ ăn sáng, và tạp phẩm, thực phẩm, còn các hàng quán ăn trưa thì chưa có, khách có nhu cầu phải đặt trước thì mới phục vụ, mặc dù Yên Mỹ nằm tiếp giáp ngay một quận nội thành và chỉ cách trung tâm Hà Nội chừng 20 km.

Tại Mỹ Đình, việc làm được đa dạng hoá ở mức độ cao hơn hẳn 2 địa phương trên. Cùng với việc xây dựng những khu đô thị mới, khu thể thao quốc gia hoàn thành và đi vào sử dụng, những cơ sở sản xuất tư nhân được mở tại đây, dân số cơ học ngày một tăng với nhiều thành phần dân cư mới thì tình

trạng việc làm của cư dân địa phương có nhiều thay đổi. Nhiều việc làm mới xuất hiện như bán các loại hàng ở khu vực sân vận động Mỹ Đình, xây nhà cho thuê, mở hàng ăn, mở cửa hàng dịch vụ game-internet, áo cưới, hàng quần áo thời trang, hàng quán cà phê, karaoke, đi chợ bán rau, bán hoa, nấu rượu, làm đậu, làm công cho các cơ sở tư nhân đóng tại địa phương, xe ôm... Một cuộc sống thực sự sôi động diễn ra tại địa phương này nhờ những điều kiện thuận lợi do đô thị hoá mang lại.

Sự phân hoá việc làm cũng diễn ra cùng với quá trình đô thị hóa. Các hộ gia đình ở Mỹ Đình có cách làm riêng của mình tùy theo khả năng và điều kiện của mỗi hộ. Gia đình nào có địa thế thuận lợi thì mở cửa hàng dịch vụ, mở quán ăn; có nhân lực thì bán quán, xe ôm, bán rong; có vốn và kinh nghiệm thì đầu tư lớn hơn... Sự phân hoá việc làm rất rõ ở điều kiện kinh tế hộ gia đình. Những gia đình khá về kinh tế thường không làm những việc vất vả, có vị thế thấp như bán rong, lao động chân tay. Trong số những hộ khá này có cả những hộ vốn là nghèo nhưng nhờ có tiền đền bù do thu hồi đất đai mà “lên”, tức là sự khá giả tức thời, không ổn định và không phải do quá trình lao động mà có được.

Như vậy, đô thị hoá đã mở ra nhiều cơ hội việc làm, là nhân tố chủ yếu góp phần chuyển dịch cơ cấu xã hội theo hướng đô thị: tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Với các địa phương được khảo sát trong nghiên cứu này (Yên Mỹ, Yên Sở, Mỹ Đình), là những địa phương có các mức độ đô thị hoá khác nhau, nhưng địa phương đã trở thành đô thị về mặt hành chính như Yên Sở lại không phải là nơi có mức độ đô thị hoá cao nhất, mà chính là Mỹ Đình, nơi môi trường sống thực sự đã trở thành môi trường đô thị do hàng loạt các dự án về hạ tầng và nhà ở. Như thế, về thực chất, quá trình đô thị hóa tại vùng ven Hà Nội được ấn định không phải bằng sự chuyển đổi hành chính (từ xã lên phường như Yên Sở, từ xã ngoại thành lên xã ven đô như Yên Mỹ), mà bằng sự đầu tư ồ ạt về hạ tầng cơ sở, thay đổi về chất môi trường sống nông nghiệp như Mỹ Đình. Chúng ta được thấy những biến đổi quan trọng của Mỹ Đình không chỉ về mặt kinh tế – xã hội mà cả về mặt tâm lý xã hội.

Đằng sau sự chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm của cư dân vùng ven trong quá trình đô thị hóa là một chiến lược sống thực thụ và với nhiều hộ gia đình thì có thể còn rất mới – họ trở nên tự chủ hơn và năng động hơn. Nó là kết quả của một quá trình vận động trong đời sống tâm lý của người dân. Sự đa dạng trong chuyển đổi việc làm, sự không dập khuôn trong các khuôn mẫu nghề nghiệp như của xã hội nông thôn truyền thống đã đánh dấu sự phát triển của cộng đồng cư dân ven đô về mặt văn hóa - xã hội.

Những người không chuyển đổi nghề: Họ là ai?

Trong số các đối tượng được khảo sát, có khoảng 1/3 số người không chuyển đổi nghề của mình trong vòng 10 năm qua. Vậy họ là những ai: giới tính, lứa tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp của họ như thế nào?

Kết quả khảo sát cho thấy, sự không chuyển đổi nghề phụ thuộc nhiều vào tính chất nghề nghiệp, sự ổn định thu nhập, giới tính và lứa tuổi của người lao động vùng ven đô.

Với hoạt động sản xuất nông nghiệp, những người không có thay đổi gì về nghề nghiệp thường ở lứa tuổi trên 55 đối với nam và trên 40 đối với nữ. Thực sự với những người này, cơ hội cho sự chuyển đổi không có nhiều. Trong các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung, vấn đề giải quyết việc làm không phải cho thanh niên mà cho những người phụ nữ nông dân ở độ tuổi trung niên luôn được đặt ra một cách bức xúc. Rõ ràng, họ vẫn còn ở độ tuổi lao động, vẫn còn sức khoẻ, nhưng không được nhanh nhẹn, tháo vát như người khác và họ trở thành những người chịu thiệt thòi trước tiên dưới tác động của quá trình đô thị hoá. Một số chị em nông dân cho rằng, mình không có những điều kiện như người khác, chỉ biết chân chỉ làm ăn nên không thể thay đổi được. Chính lối suy nghĩ *“không thể thay đổi”*, *“không thể làm được”* đã khiến họ chùn bước trước sự phát triển của xã hội. Ở đây cũng thấy một vấn đề rằng, đô thị hoá kích thích tính năng động và là động lực cho sự phát triển của mỗi cá nhân. Những người phù hợp với quá trình này sẽ nhận được những phần thưởng xứng đáng của cuộc sống. Đó cũng là một trong những lý do khiến mức sống của các gia đình không kịp chuyển đổi nghề nghiệp trở nên khiêm tốn hơn so với những hộ năng động.

Những người làm cán bộ, viên chức Nhà nước, được hưởng lương hoặc những công việc khác ở các cơ quan Nhà nước (công nhân, bảo vệ...) ở mọi lứa tuổi đều không có sự di động về nghề nghiệp của mình, nếu có sự chuyển đổi đều chỉ là do đến tuổi về hưu. Hầu như tất cả những người làm công ăn lương ở khu vực Nhà nước của mẫu đều không chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm của mình trong 10 năm qua, trừ những người đến tuổi hưu trí. Một trong những nguyện vọng được nêu lên hàng đầu của cư dân vùng ven đô là con cháu họ có việc làm ở khu vực Nhà nước. Việc gì cũng được: lái xe, bảo vệ, dọn dẹp, bốc vác... miễn là có việc làm cho thu nhập ổn định. Còn nếu được làm công tác văn phòng thì là điều mơ ước nhất. Lý giải cho nguyện vọng này, nhiều người cho rằng làm Nhà nước *“nó oai hơn, có vị thế hơn”*. Điều người ta mong muốn không phải chỉ là thoát khỏi sự lam lũ, vất vả, mà vì sự ổn định của thu nhập, cùng cái tiếng, cái tư thế của mỗi cá nhân trước cộng đồng. Có thể chính vì điều này mà những ai đã có chân trong biên chế Nhà nước đều không muốn rời đi. Và để thay đổi thái độ này của họ thì cần cả một quá trình thay đổi tư duy, chứ không phải ngày một, ngày hai mà có được.

Trong số những người không chuyển đổi nghề trong 10 năm qua còn có một nhóm người làm công nhân hay làm thợ (xây, bả, mộc, hồ...) có thu nhập ổn định.

Những người làm ăn buôn bán (lớn và nhỏ) và dịch vụ mang tính ổn định như mở cửa hàng tại nhà, bán đồ ăn sáng, bán rau, bán hoa quả dạo... Tuy nhiên, tỷ lệ những người buôn bán, kinh doanh, dịch vụ có vị trí ổn định (bán hàng tạp hoá, bán quán tại nhà, kinh doanh...) vẫn chiếm tỷ lệ lớn hơn so với những người buôn bán chưa có vị trí ổn định (như bán đồ ăn sáng, bán rau, bán hoa quả dạo).

Kết quả khảo sát cũng cho thấy một thực trạng là trình độ học vấn của những người đổi việc và không đổi việc không có gì khác biệt. Hay nói cách khác, học vấn không ảnh hưởng đến xu hướng chuyển đổi việc làm (cả ở nam và nữ).

Những khó khăn trong chuyển đổi mà người dân gặp phải phần lớn không phụ thuộc nhiều vào kiến thức, vào tri thức học vấn, mà vào cách nghĩ, lối tư duy về nghề nghiệp của mỗi cá nhân, hay nói nôm na, yếu tố tâm lý đóng vai trò quan trọng trong sự chuyển đổi nghề của người lao động.

Như vậy, trong sự không chuyển đổi nghề nghiệp của người dân có sự tham gia của yếu tố thu nhập (những nghề cho thu nhập ổn định, chứ không phải là thu nhập cao khiến cho những người lao động không chuyển đổi nghề của mình); yếu tố nghề nghiệp (những nghề có tính chất ổn định về địa điểm hoạt động nghề) và cả tính thụ động, không dám thay đổi của người lao động ở những lứa tuổi nhất định.

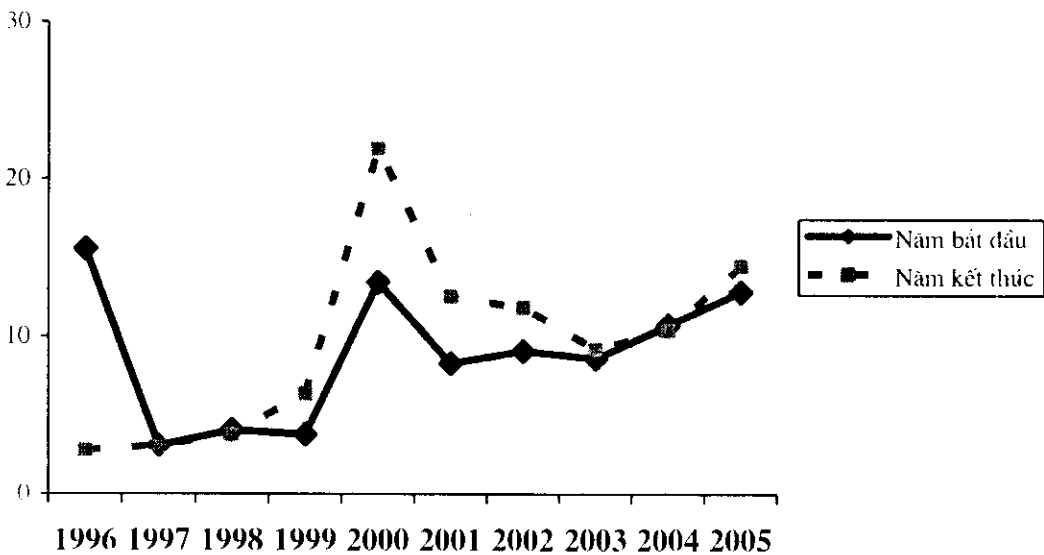
Thời điểm chuyển đổi

Kết quả cho thấy, từ khoảng năm 2000 trở lại đây, nhiều việc làm đã được kết thúc hoàn toàn, trong đó đỉnh điểm là năm 2000 với 21.9% số người được khảo sát kết thúc một việc làm cho thu nhập của mình để chuyển sang trạng thái việc làm mới. Kết thúc các việc làm hiện có vẫn đang là một xu hướng hiện nay khi đường cong biểu thị xu hướng này ở biểu đồ 1 vẫn có xu hướng tăng. Còn thời điểm bắt đầu nhiều việc làm mới nhất chính là vào năm 1996 với 15.5% số lượng mẫu có được việc làm mới vào thời gian này.

Đối chiếu với tình hình xã hội tại các thời điểm thì thấy rằng, xu hướng vận động của sự chuyển đổi thường tăng cao vào những thời điểm nhạy cảm như sự công bố về chính sách sử dụng đất đai, sự đầu tư vào cơ sở hạ tầng ở địa phương, đền bù giải toả đất đai cho các công trình... từ phía Nhà nước. Cụ thể: vào đầu những năm 2000, có sự đầu tư rất lớn của Thủ đô vào các vùng ven Hà Nội để mở rộng Thủ đô và xây dựng các khu đô thị mới, xây dựng cơ sở hạ tầng, cũng như có những kế hoạch để chuyển đổi khu vực hành chính của một số xã ven thành thành phường nội thành... thì có sự chuyển đổi lớn về nghề

nghiệp. Cụ thể, nhiều hộ phải bỏ nghề nông để chuyển sang làm các việc khác. Ứng với thời điểm này ở các địa phương thì thấy rằng, từ tháng 4/2004, Yên Sở được công nhận chính thức từ xã trở thành phường và Yên Mỹ trở thành xã ven đô, trong khi ở Mỹ Đình không có thay đổi gì về hành chính, nhưng bắt đầu từ năm 2000, sự thu hồi đất diễn ra hàng loạt tại đây. Như vậy, không phải khi địa phương chính thức thực hiện các chính sách mới mới có sự chuyển đổi, mà sự chuyển đổi đã có thể diễn ra trước khi có sự công bố hoặc bắt nguồn các thông tin từ hậu trường về giá đất, về qui hoạch.

Biểu đồ 1: Xu hướng chuyển đổi nghề nghiệp theo thời gian



Nhìn vào các số liệu hiển thị ở biểu đồ có thể thấy tỷ lệ kết thúc việc làm nhiều hơn sự bắt đầu việc mới. Như vậy, đã có một bộ phận chưa kịp chuyển đổi theo xu thế mới mà vẫn theo nhịp sống cũ, có thể diễn ra tình trạng không có việc làm tạm thời; thường ở những người không có điều kiện thay đổi, hoặc ngại thay đổi như đã phân tích ở trên.

Như vậy, sự chuyển đổi nghề của mỗi cá nhân, mỗi hộ gia đình gắn bó chặt chẽ với các chính sách, kế hoạch đầu tư từ phía chính quyền Trung ương chứ không phải là sự vận động tự thân từ phía mỗi cá nhân. Trong trường hợp không có các điều kiện ngoại cảnh (ví dụ như qui hoạch lại từ phía chính quyền) thì sự chuyển đổi nghề nghiệp có thể là không chắc chắn. Nó cũng cho thấy phần nào tính năng động có điều kiện của người dân ven đô nói riêng, người nông dân nói chung trong việc hình thành chiến lược sống của mình.

Đổi nghề như một chiến lược sống, một phân thể hiện sự năng động của người dân, một phần vì bắt buộc phải có thu nhập để sống. Trong hoàn cảnh đó

người ta phải tận dụng hết khả năng của mình để duy trì được mức sống của gia đình và học hành của con cái. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, người dân ven đô đổi nghề phần lớn không phải vì mưu cầu một cuộc sống giàu có, sung túc hơn, được thể hiện bản thân, thể hiện niềm đam mê của mình, mà trước hết chỉ vì đảm bảo cuộc sống trước mắt và vì tình cảnh bắt buộc mà thôi. Đó cũng là lý do giải thích vì sao người dân phải làm nhiều nghề, làm thêm nghề khác song song với nghề đang làm.

Sự đổi nghề cũng có những đặc điểm riêng ở những đối tượng khác nhau về lứa tuổi, về giới tính, về nghề nghiệp. Nhưng yếu tố quan trọng hơn cả đối với sự chuyển đổi là tâm lý của mỗi người lao động, cách tư duy, lối suy nghĩ của họ: họ có sẵn sàng trước những thách thức để xây dựng và thực hiện một chiến lược sống mới, hay e ngại, thụ động, khó thay đổi chiến lược sống cũ, để chấp nhận phần thiệt thòi trước những biến đổi xã hội của quá trình đô thị hoá.

Mặt khác, ta có thể thấy, tính chất của các công việc chuyển đổi vẫn dừng lại ở những việc cần ít chất xám. Có cảm giác nó chỉ dừng lại ở tính chất *việc làm* hơn là tính chất *nghề nghiệp*. Khi người dân chỉ coi đó là việc làm, hành động và sự đầu tư của họ sẽ rất khác với trường hợp khi họ coi đó là cái nghiệp của mình. Vì thế, vấn đề nâng cao hiệu suất lao động và chất lượng trình độ cao trong các sản phẩm của việc làm là một trong những điều quan trọng cần được quan tâm để có thể chuyển từ trạng thái việc làm, sang trạng thái nghề nghiệp, thì người dân mới tận dụng được những thế mạnh của đô thị hóa để có thể thay đổi được địa vị xã hội của gia đình, và mới có thể "đổi đời bằng chính bản thân mình".

Chú thích

1. Số liệu của đề tài cấp Bộ: *"Những biến đổi cơ bản về mặt tâm lý của cư dân vùng ven đô đã được đô thị hóa"*. Viện Tâm lý học chủ trì, do TS. Phan Thị Mai Hương làm chủ nhiệm, thực hiện năm 2006.